

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/DS-ST

Ngày 06-7-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2017/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST – DS ngày 22/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965.

Chị Nguyễn Dương Thúy A, sinh năm 1986.

Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp Chà Là, xã T, huyện H, tỉnh B.

Người làm chứng: Bà Lã Thị Kiều L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh B.

(Chị Nguyễn Thị Cẩm H có mặt tại phiên tòa, chị Nguyễn Dương Thúy A, anh Huỳnh Thanh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, bà Phạm Thị T, bà Lã Thị Kiều L vắng mặt có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/11/2017 và ngày 15/3/2018 quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Từ thời điểm ngày 18/12/2015 cho đến ngày 07/02/2016 thì bà T, chị A, anh T nhiều lần đến cửa hàng bán vật liệu xây dựng của bà H tọa lạc tại tổ 9, khu phố Phú Cường, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước mua vật liệu xây dựng nhà bao gồm: gạch men, cát, bột trét, sơn và các loại vật liệu khác mục đích về xây nhà trên phần đất đứng tên Phạm Thị T tọa lạc tại tổ 3, ấp Chà Là, xã Thanh Bình, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Khi mua bán và vận chuyển vật liệu cho hộ bà T, chị H có viết các hóa đơn và các xác nhận nhận hàng của bà T, anh T, chị A. Sau khi hoàn thành nhà giữa chúng tôi đã chốt số lượng vật liệu xây dựng và số tiền. Việc mua bán vật liệu theo kiểu gói đầu bán vật liệu thì các bị đơn trả tiền rồi lại thiếu lại. Bị đơn đã trả được số tiền là 109.000.000 đồng, còn lại 99.892.000 đồng. Chị H đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng các bị đơn không trả.

Chị Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu bà Phạm Thị T, chị Nguyễn Dương Thúy A, anh Huỳnh Thanh T phải trả cho chị H số tiền là 99.892.000 đồng và lãi suất là 10.000.000 đồng.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày ngày 02/02/2018, tại biên bản đối chất ngày 02/02/2018 bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Dương Thúy A là con gái ruột của bà T, anh Huỳnh Thanh T là chồng chị A là con rể bà T. Năm 2013 chị A và anh T thương yêu nhau nên về sinh sống cùng bà T tại tổ 3, ấp Chà Là, xã Thanh Bình, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Năm 2014 chị A và anh T kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh B. Sau khi kết hôn do nhà tôi chật nên chị A và anh T xin bà T nói thêm nhà để ở thì bà T đồng ý. Khi xây nhà thì tự chị A, anh T đi chọn vật liệu xây dựng ở cửa hàng vật liệu xây dựng Hồng Ân tại thị xã Bình Long chứ bà T không có liên hệ gì. Khi chị H giao vật liệu khi anh T, chị A vắng nhà thì có lần bà T nhận dùm vật liệu xây dựng, có khi thì thợ hồ nhận dùm. Sau khi xây xong do chị A và anh T còn nợ tiền của chị H nên tôi lên trả thay số tiền 50.000.000 đồng.

Nay chị H yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cùng với chị A, anh T trả cho cho chị H số tiền 99.892.000 đồng thì bà T không đồng ý vì nghĩa vụ trả nợ là chị A và anh T.

Đối với chị Nguyễn Dương Thúy A, anh Huỳnh Thanh T mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến tòa án trình bày ý kiến của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2018 người làm chứng bà Lã Thị Kiều L trình bày: Bà L không có quan hệ họ hàng gì với chị H, chị A, bà T, anh T. Bà L là người mua lại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 63 tọa lạc tại tổ 3, ấp Chà Là, xã Thanh Bình, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước đứng tên bà Phạm Thị T, còn việc mua bán vật liệu thì bà L không biết.

Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án. Về việc giải quyết vụ án: Chị A, anh T mua thiếu vật liệu xây dựng của chị H chưa trả nên đề nghị Tòa án buộc chị A, anh T phải trả cho chị H số tiền là 99.892.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với bà T do không có cơ sở nên không đề nghị bà T trả nợ cho chị H cùng với chị A và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị T, chị Nguyễn Dương Thúy A, anh Huỳnh Thanh T về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, bà T, anh T, chị A có địa chỉ tại ấp Chà Là, xã Thanh Bình, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là bà T, anh T, chị A đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, chị Nguyễn Thị Cẩm H đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt các bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng chị A, anh T không đến tòa án làm việc, bà T chỉ đến tòa án một lần để ghi lời khai và đối chất, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Cẩm H kinh doanh vật liệu xây dựng, bà T, anh T, chị A mua vật liệu xây dựng còn thiếu tiền. Từ đó có đủ căn cứ để xác định chị Nguyễn Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu chị A, anh T, bà T trả số tiền thiếu do mua vật liệu xây dựng và lãi suất theo quy định pháp luật là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán” thuộc khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

Việc mua bán vật liệu xây dựng mặc dù các bên không làm hợp đồng nhưng các bên có thỏa thuận miệng, việc giao nhận vật liệu xây dựng có phiếu giao nhận, có chốt công nợ, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp pháp và có giá trị thi hành đối với các bên.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Theo giấy chốt công nợ thì các bị đơn còn thiếu lại của chị Hồng số tiền là 99.892.000 đồng bà T cũng thừa nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chỉ có một mình bà T đến Tòa án ghi lời khai và đề nghị tòa án đối chất, còn

chị A, anh T không đến tòa án để trình bày ý kiến của mình. Đối chiếu với các tài liệu và giấy chốt công nợ thể hiện chị H có bán vật liệu để xây nhà phần ở phía sau trên đất của bà T. Tại biên bản đối chất ngày 02/02/2018 và tại phiên tòa chị H đều thừa nhận tại thời điểm mua hàng chỉ có chị A và anh T đến cửa hàng để giao dịch, bà T không có lần nào đến để mua hàng do đó chị H xác định việc mua bán vật liệu là bán cho chị A và anh T, đồng thời bà T cũng khẳng định không trao đổi, mua bán vật liệu xây dựng với chị H. Lý do chị H yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả nợ cho chị H là chị A, anh T mua vật liệu xây dựng trên đất của bà T, khi bán làm tăng giá trị tài sản của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán vật liệu xây dựng giữa chị H với chị A, anh T là hợp đồng dân sự, các bên giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự nên phải chịu trách nhiệm về giao dịch của mình nên nghĩa vụ trả nợ thì anh T và chị A phải chịu. Lý do chị H yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cùng trả nợ là do việc anh T, chị A mua vật liệu làm tăng giá trị tài sản cho bà T nên bán T phải có nghĩa vụ trả nợ là không có căn cứ nên yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà T cùng có nghĩa vụ trả nợ là không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh T, chị A là người thực hiện việc giao dịch mua bán vật liệu với chị H, đồng thời anh T và chị A là vợ chồng nên phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự 2005, cụ thể tại Khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 quy định: 1. Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thoả thuận; nếu không có thoả thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận một phần.

Về thời điểm mà anh T, chị A vi phạm nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên tòa chị H xác định thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 14/4/2016 nên ngoài nghĩa vụ phải trả số tiền gốc còn phải chịu lãi suất theo quy định. Tại khoản 2 Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “2. Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của bộ luật này, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản được áp dụng từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng và thời gian anh T, chị A vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với chị H từ ngày 14/4/2016 đến ngày 06/7/2018 là 02 năm 02 tháng 20 ngày nên số tiền lãi sẽ là 15.483.260 đồng. Tại phiên tòa chị H chỉ yêu cầu tính tiền lãi là 10.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của chị H, phù hợp với quy định pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Về án phí: Chị Nguyễn Dương Thúy A, anh Huỳnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 147, 180, 227, 233, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các điều 280, 281, 282, 290, 305, 388, 401, 412, 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” của chị Nguyễn Thị Cẩm H tuyên xử:

1. Buộc anh Huỳnh Thanh T, chị Nguyễn Dương Thúy A có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm H số tiền là 109.892.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu tám trăm chín mươi hai ngàn đồng) trong đó nợ gốc là 99.892.000 đồng (Chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi hai ngàn đồng) và lãi suất là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Anh Huỳnh Thanh T, chị Nguyễn Dương Thúy A phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 5.494.600 đồng (Năm triệu bốn trăm chín tư ngàn sáu trăm đồng). Chị Nguyễn Thị Cẩm H không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 2.497.000 đồng (Hai triệu bốn trăm chín bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012440 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hồ Văn Thanh